TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **65/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1992 (có mặt);

Tên gọi khác: Kh

Địa chỉ: ấp B N B, xã L S, huyện K H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Tô Văn K, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp K X, xã T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Tô Văn K chung sống với nhau vào ngày 14 tháng 02 năm 2014, sau khi chung sống với nhau chị và anh Tô Văn K đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2014. Quá trình chung sống chị và anh Tô Văn K có 01 người con chung tên: Tô Nguyễn Thu M, sinh ngày 01/7/2014, hiện nay chị đang nuôi dưỡng; chị và anh Tô Văn K không có tài sản chung và không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống anh Tô Văn K không quan tâm chăm sóc vợ con thời gian dài, chị thấy từ tháng 11/2018 đến nay anh K không chung thủy với chị nên chị đã ly thân với anh K. Nay chị và anh Tô Văn K không còn tình cảm với nhau, không thể chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn K;

Về quan hệ con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con tên Tô Nguyễn Thu M, sinh ngày 01/7/2014, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản chung, chị không yêu cầu giải quyết;

Về nợ: Chị và anh K không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị, chị không yêu cầu giải quyết.

* *Tại biên bản xác minh ngày 11/9/2019, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh K và chị Th chung sống với nhau có tổ chức đám theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, anh chị chung sống với nhau có 01 người con chung tên Tô Nguyễn Thu M, hiện nay chị Th đang nuôi dưỡng. Anh K và chị Th sống chung được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, bất hòa, hiện nay anh K đi làm thường xuyên về gia đình tại ấp K X, xã T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn anh Tô Văn K*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh K nhưng anh K không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th nên Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Sổ hộ khẩu, 02 Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Ngọc Th và Tô Văn K, Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị Ngọc Th và Tô Văn K, Bản sao giấy khai sinh tên Tô Nguyễn Thu M, Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện, Biên bản xác

minh ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn K. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Tô Nguyễn Thu M, sinh ngày 01/7/2014, chị không yêu cầu anh Tô Văn K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tô Văn K vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Tô Văn K chung sống với nhau vào năm 2014, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị Ngọc Th yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn K là có căn cứ chấp nhận; về quan hệ con chung, anh chị có được 01 đứa con chung tên Tô Nguyễn Thu M, sinh ngày 01/7/2014, khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh Tô Văn K không ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử, giao con chung của anh chị cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ chị Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn K và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Tô Văn K có nơi cư trú tại ấp K X, xã T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh K vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh K, nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị Th không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị Th và anh K chung sống với nhau vào năm 2014, anh chị có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang là nơi cư trú một trong các bên của anh chị)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2014 ngày 18/3/2014, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Th được ly hôn với anh K, anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cự cải nhau, anh K không quan tâm chăm sóc vợ con thời gian dài, nay chị Th thấy chị và anh K không còn tình cảm vợ chồng và không thể chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh K; từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay anh K không có ý kiến và yêu cầu gì đối với việc chị Th yêu cầu được ly hôn với anh. Từ đó, hôn nhân của anh chị đã vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không

có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay chị Th cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh K. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Nguyễn Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Tô Văn K là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Th và anh K có 01 người con chung tên Tô Nguyễn Thu M, sinh ngày 01/7/2014, từ khi anh chị ly thân đến nay chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; anh K không có ý kiến và yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, con của anh chị còn nhỏ (hơn 05 tuổi), chung sống với chị Th từ khi anh chị ly thân đến nay đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và con của anh chị là con gái, cần có sự chăm sóc của mẹ khi phát triển tâm sinh lý sau này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Th, giao con chung của anh chị tên Tô Nguyễn Thu M, sinh ngày 01/7/2014 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Th xác định chị và anh K không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ, nếu có yêu cầu giải quyết thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Tô Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Tô Nguyễn Thu M, sinh ngày 01/7/2014 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay con chung của anh chị đang chung sống với chị Nguyễn Thị Ngọc Th.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Th xác định anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ, nếu có yêu cầu giải quyết thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001951 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Ngọc Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/10/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Sang).

Trần Văn Thảo